

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 -7-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh

Ông Phạm Bá Xanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Xuân – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đồng Xuân H, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Khối S, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Khối S, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện tại: Cộng hòa Ba Lan; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đồng Xuân Q, sinh năm 1960;

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ cư trú: Khối S, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Đồng Xuân H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M quen biết và sống chung với nhau như vợ chồng đến khi có con chung thì mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/3/2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ tại phường B, thành phố V để chung sống. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2008, chị Nguyễn Thị M đi lao động ở nước ngoài, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc nhưng sau đó thì không liên lạc với nhau nữa nên anh không biết địa chỉ cụ thể của chị Nguyễn Thị M ở Ba Lan. Hiện tại, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 01 con chung là Đồng Xuân T, sinh ngày 22/01/2007. Từ khi chị Nguyễn Thị M đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đến năm 2013, anh đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì anh có nhờ bố, mẹ đẻ là ông Đồng Xuân Q và bà Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và hàng tháng anh đều gửi tiền về cho bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến lúc trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì anh tiếp tục đi lao động ở nước ngoài nên anh có nhờ bố mẹ là ông Đồng Xuân Q và bà Nguyễn Thị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con Đồng Xuân T trong thời gian anh không ở Việt Nam. Đồng thời, anh có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bố là ông Đồng Xuân Q, sinh năm 1960, trú tại Khố S, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An nhận các văn bản của Tòa án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M, hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân là ông Nguyễn Bắc S (bố đẻ của chị Nguyễn Thị M) đến lần thứ hai mà thân nhân của chị Nguyễn Thị M cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Nguyễn Thị M cho Tòa án biết. Đồng thời cho đến nay, chị Nguyễn Thị M cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đồng Xuân Q và bà Nguyễn Thị D thống nhất trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh H; ông, bà đã biết được anh H làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Anh H và Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có 01 con chung là Đồng Xuân T, sinh ngày 22/01/2007. Từ năm 2008, chị Nguyễn Thị M đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài cho đến nay. Năm 2013, anh H đi lao động tại Hàn Quốc. Từ khi vợ chồng anh H đi nước ngoài thì cháu T được ông, bà trông nom, chăm sóc và hàng tháng anh H đều gửi tiền về để nuôi dưỡng cháu T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn và giao cho anh H nuôi dưỡng cháu T thì ông, bà sẽ có trách nhiệm quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T chu đáo trong thời gian anh H không ở Việt Nam và không yêu cầu anh H phải trả tiền công sức chăm sóc cháu T. Đồng thời, ông Đồng Xuân Q nhất trí với ủy quyền của anh H là nhận các văn bản của Tòa án và thông báo cho anh H biết. Do bận công việc nên ông, bà không thể trực tiếp đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên ông, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Bắc S là bố đẻ của chị Nguyễn Thị M cho biết: Chị Nguyễn Thị M hiện đang lao động ở Cộng hòa ba Lan, thỉnh thoảng chị Nguyễn Thị M có liên lạc điện thoại về cho ông nhưng không nói rõ về địa chỉ cư trú ở Ba Lan nên ông không biết nơi cư trú cụ thể của chị Nguyễn Thị M ở ba Lan để cung cấp cho Tòa án. Việc chị Nguyễn Thị M vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đồng Xuân H, cho anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Về con chung: Giao cho anh Đồng Xuân H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đồng Xuân T, sinh ngày 22/01/2007 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con: Anh H, ông Q và bà D không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đồng Xuân H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M hiện cư trú ở nước ngoài; trước xuất cảnh, chị Nguyễn Thị M có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn chị Nguyễn Thị M không thể tham gia hòa giải được do vắng mặt tại nơi cư trú và hiện đang ở nước ngoài. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị M vẫn cố tình vắng mặt; về phía nguyên đơn anh Đồng Xuân H không yêu cầu hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Đồng Xuân H trước khi đi nước ngoài đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, viết bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và cung cấp đầy đủ các giấy tờ, tài liệu cho Tòa án nhưng do công việc nên không ở lại Việt Nam tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đồng Xuân Q, bà Nguyễn Thị D đang ở Việt Nam nhưng do bận công việc nên đã làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh H, ông Q, bà D phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Chị Nguyễn Thị M hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị M thông qua người thân là ông Nguyễn Bắc Sơn, bố đẻ của chị Nguyễn Thị M, gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời, yêu cầu chị Nguyễn Thị M trình bày ý kiến của mình về việc anh H có đơn xin ly hôn. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của chị Nguyễn Thị M cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Nguyễn Thị M cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Nguyễn Thị M biết. Tòa án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của chị Nguyễn Thị M thì được ông

Nguyễn Bắc S cung cấp: Chị Nguyễn Thị M đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Ba Lan, ông và chị Nguyễn Thị M chỉ liên lạc qua điện thoại với nhau. Đồng thời, chị Nguyễn Thị M không cung cấp địa chỉ của chị ở Cộng hòa Ba Lan cho ông biết nên ông không thể cung cấp địa chỉ của chị Nguyễn Thị M ở Cộng hòa Ba Lan cho Tòa án được. Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 08/07/2020 và lần thứ hai vào ngày 30/7/2020, nhưng cả hai lần chị Nguyễn Thị M đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, việc chị Nguyễn Thị M vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Xuân H và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/3/2007, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thì xảy ra mâu thuẫn nên đến năm 2008, chị Nguyễn Thị M đi lao động ở nước ngoài cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng sau đó thì không liên lạc với nhau nữa nên tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hiện tại, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Đồng Xuân H và chị Nguyễn Thị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đồng Xuân H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Đồng Xuân H và chị Nguyễn Thị M có 01 con chung. Nếu ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến lúc trưởng thành. Nguyện vọng của anh H phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với điều kiện thực tế về việc nuôi con; vì hiện nay, chị Nguyễn Thị M đang ở nước ngoài và cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh H. Giao cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đồng Xuân T, sinh ngày 22/01/2007 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đồng Xuân H không yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con: Do anh Đồng Xuân H đang đi lao động ở nước ngoài nên có nhờ ông Đồng Xuân Q và bà Nguyễn Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con là Đồng Xuân T trong thời gian anh H ở nước ngoài. Ông Q, bà D tự nguyện nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T chu đáo cho đến khi anh H về Việt Nam. Về công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đồng Xuân T, ông Đồng Xuân Q và bà Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Anh Đồng Xuân H không yêu cầu giải quyết vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Đồng Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Đồng Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Xuân H và chị Nguyễn Thị M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Đồng Xuân H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đồng Xuân T, sinh ngày 22/01/2007 đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con: anh H, ông Q, bà D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Đồng Xuân H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đồng Xuân H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003233 ngày 26/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Đồng Xuân H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đồng Xuân H, ông Đồng Xuân Q và bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường. T, TP V, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quỳnh